

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4249/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì xi măng công suất 40 triệu vỏ bao/năm tại khu công nghiệp Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh về việc uỷ quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nội dung liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 304/TTr-STNMT ngày 20/01/2025 và Văn bản số 366/STNMT-MT ngày 23/01/2025 (trên cơ sở đề xuất của Công ty Cổ phần nhựa bao bì Vinh tại Văn bản số 06/VBC ngày 13/01/2025; ý kiến của Đoàn kiểm tra tại Văn bản số 569/STNMT-MT ngày 21/02/2023; Văn bản số 557/VBC ngày 23/12/2022 và Văn bản số 46/CV-VBC ngày 23/01/2025 của Công ty Cổ phần nhựa bao bì Vinh kèm theo hồ sơ đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện), ý kiến đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh qua phiếu Biểu quyết.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần nhựa bao bì Vinh (địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất bao bì tại KCN Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh” với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của Cơ sở:**

1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy sản xuất bao bì tại KCN Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

1.2. Địa điểm hoạt động: KCN Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900531222 do Phòng đăng kí kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp đăng kí lần đầu ngày 03/01/2003, thay đổi lần thứ 6 ngày 13/9/2017.

1.4. Mã số thuế: 2900531222.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, kinh doanh bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

a) Phạm vi, quy mô:

Nhà máy sản xuất bao bì tại KCN Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh được đầu tư xây dựng trên diện tích đất 34.345,5m<sup>2</sup>, bao gồm các hạng mục công trình:

- Hạng mục công trình chính (diện tích 17.724m<sup>2</sup>), gồm: Nhà xưởng sản xuất số 1, nhà xưởng sản xuất số 2, kho giấy thành phẩm số 1, kho giấy thành phẩm số 2;

- Hạng mục công trình phụ trợ (diện tích 1.700,6m<sup>2</sup>), gồm: Kho dầu nhớt, kho gia công cơ khí, gara ô tô, gara xe máy, gara xe công nhân, nhà trực bảo vệ, nhà làm việc quản lý bộ phận bếp, nhà bếp ăn ca, bể nước cứu hỏa 1, bể nước cứu hỏa 2, phòng bơm nước cứu hỏa, cổng chính, cổng phụ, 03 trạm biến áp, 02 máy nén khí, nhà nấu hồ, xưởng cơ khí, mái nối 02 nhà xưởng, kho phế;

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường (diện tích 111m<sup>2</sup>), gồm: kho lưu giữ chất thải nguy hại, kho tập kết chất thải rắn sinh hoạt, kho tập kết chất thải rắn công nghiệp thông thường và nhà vệ sinh công cộng.

- Sân đường giao thông nội bộ: 9.658,1 m<sup>2</sup>;

- Cây xanh thảm cỏ: 5.151,8 m<sup>2</sup>.

b) Công suất hoạt động của Cơ sở: Sản xuất bao bì với công suất khoảng 3,2 triệu bao bì/tháng (Bao xi măng: 2,3 triệu sản phẩm/tháng; Bao Jumbo - Sonling: 900.000 sản phẩm/tháng).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Công ty Cổ phần nhựa bao bì Vinh (đơn vị đề xuất), UBND huyện Nghi Xuân (đơn vị phối hợp, kiểm tra, giám sát thực hiện), Đoàn kiểm tra (theo Quyết định số 159/QĐ-STNMT ngày 16/01/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường), Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, thẩm định, tham mưu) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất tại các Tờ trình và Văn bản nêu trên và quá

trình thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần nhựa bao bì Vinh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;
2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nêu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5 Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 4.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ban hành.

**Điều 5.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nghi Xuân) tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở “Nhà máy sản xuất bao bì tại KCN Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh” theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh phụ trách;
- Công ty Cổ phần nhựa bao bì Vinh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Bá Hộ**

**Phụ lục 01**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC  
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,  
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Cơ sở phát sinh nước thải sinh hoạt có tổng lưu lượng  $60 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải (quy định tại điểm a khoản 5 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình đào thải của con người (phân và nước tiểu);
- Nguồn số 2: Nước thải từ hoạt động nhà bếp, nhà ăn, tắm giặt rửa tay chân,... của cán bộ công nhân viên.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

**2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận:**

Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh được xử lý ở các bể tự hoại đặt ngầm dưới công trình, dẫn cùng nước thải từ tắm, giặt, rửa tay chân, nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp, nhà ăn của nhà máy được thu gom vào bể tách dầu mỡ 03 ngăn, sau đó dẫn về bể thu gom để trung chuyển nước thải vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý trước khi xả ra điểm đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Gia Lách rồi dẫn ra nguồn tiếp nhận.

**2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải:**

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải của nhà máy sau khi được xử lý, dẫn vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN Gia Lách, rồi chảy ra Rào Mỹ Dương (tên khác là sông Đồng Kèn) đoạn chảy qua xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

2.2.2. Tọa độ vị trí xả nước thải: vị trí đầu nối nước thải của nhà máy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Gia Lách, xã Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là  $X(m) = 2060567$ ;  $Y(m) = 0524112$  (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $60 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  (tương đương  $2,5 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ).

2.2.4. Phương thức, chế độ xả nước thải: Nước thải sau xử lý của nhà máy được đầu nối vào hệ thống mương thu gom nước thải của hạ tầng khu công nghiệp, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Gia Lách để xử lý và xả ra rào Mỹ Dương theo phương thức tự chảy, xả gián đoạn, tổng thời gian xả 12 giờ/ngày.

2.2.5. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Gia Lách: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1), (theo Biên bản thỏa thuận đầu nối số 36/TT-KTKD ngày 25/04/2023 giữa Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng dịch vụ KKT tỉnh và Công ty Cổ phần nhựa bao bì Vinh). Chi tiết các thông số như sau:

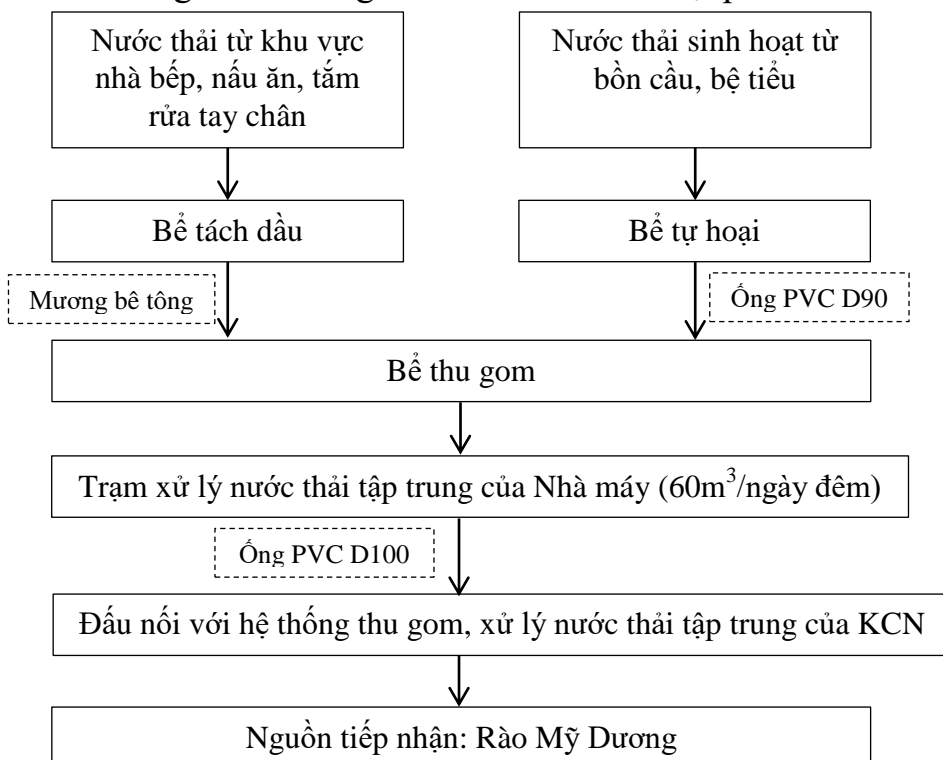
TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1)
1	pH	-	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )(tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom xử lý nước thải:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Sơ đồ thu gom các dòng thải nước thải sinh hoạt phát sinh:



- Công trình thu gom, xử lý nước thải:

+ Nước thải phát sinh từ quá trình đào thải của con người (phân, nước tiểu) được thu gom về 02 bể tự hoại cải tiến 3 ngăn (mỗi bể thể tích  $27,72\text{m}^3$ ) đặt ngầm dưới công trình để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí. Sau đó được dẫn theo đường ống D90 (chiều dài 160m) về bể thu gom (kích thước  $B \times L \times H = 1,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 2\text{m}$ ) và dẫn vào Trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy, sau đó đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Gia Lách để tiếp tục xử lý.

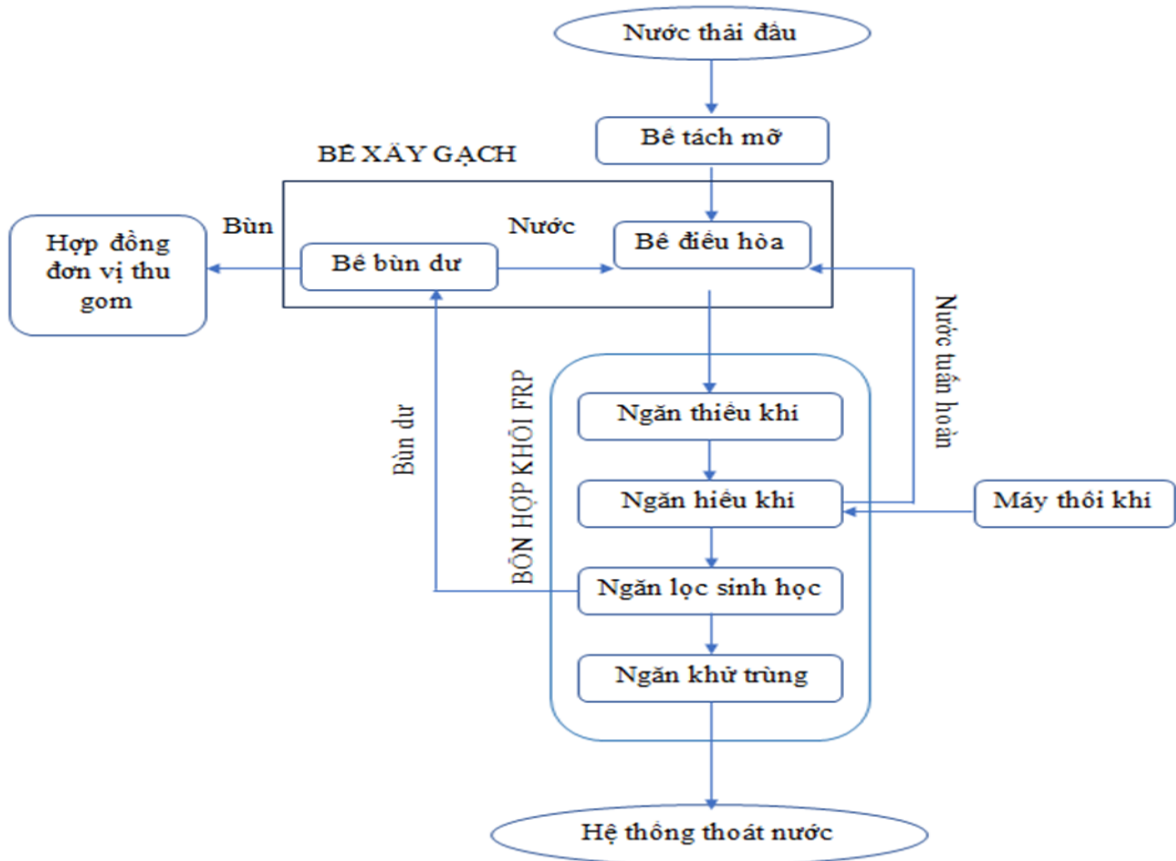
+ Nước thải từ hoạt động nhà bếp, nhà ăn, tắm rửa tay chân,... của cán bộ công nhân viên được thu gom bằng hệ thống mương bê tông (kích thước  $B \times L \times H = 0,3\text{m} \times 15\text{m} \times 0,3\text{m}$ ) có rãnh đan chắn rác, dẫn về bể tách dầu mỡ để xử lý, qua bể thu gom (kích thước  $B \times L \times H = 1,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 2\text{m}$ ) và dẫn vào Trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy, sau đó đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Gia Lách để tiếp tục xử lý.

+ Trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy: công suất  $60\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ ; công nghệ AO xử lý sinh học. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT,  $K=1$ .

+ Nước thải sau khi xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy được dẫn bằng đường ống PVC D100, dài 10m, thoát ra cống thu gom nước thải của KCN Gia Lách có tọa độ:  $X(\text{m}) = 2060567$ ;  $Y(\text{m}) = 0524112$  (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ), đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Gia Lách để tiếp tục xử lý đạt cột A - QCVN 14:2008/BTNMT rồi chảy ra nguồn tiếp nhận là Rào Mỹ Dương.

### ***1.2. Công trình, thiết bị hệ thống xử lý nước thải:***

*\* Sơ đồ, quy trình công nghệ Trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy:*



\* Danh mục các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải tập trung  $60m^3$ /ngày đêm hợp khối bằng Composite (FRP)

TT	Hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải	Thể tích ( $m^3$ )
1	Bể tách mỡ	3,075
2	Bể điều hòa	8,05
3	Bể bùn dư	4,32
4	Bồn hợp khối FRP (gồm: ngăn thiếu khí, ngăn hiếu khí, ngăn lọc sinh học, ngăn khử trùng)	46,92

\* Thuyết minh quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung:

**Bể tách dầu mỡ:** Váng dầu mỡ của nước thải sẽ được thu tại bể tách mỡ, phần váng nổi sẽ được thu gom vào thùng chứa để xử lý cùng với chất thải nguy hại, cát sẽ được lắng xuống đáy bể. Nước thải (đã tách dầu mỡ, cát) sẽ tự chảy sang bể điều hòa.

**Bể điều hòa:** Bể điều hòa đóng vai trò trung chuyển cuối cùng trước khi vào hệ thống xử lý chính, đồng thời giúp điều hòa nước thải về lưu lượng cũng như chất lượng, tránh tình trạng tăng tải cục bộ vào các thời điểm khác nhau. Nước từ bể điều hòa được hệ thống bơm chìm bơm sang cụm bể AO để bắt đầu cho chu trình xử lý sinh học.

**Ngăn thiếu khí:** Bể này có nhiệm vụ là khử nitrat ( $NO_3^-$ ) thành nitơ ( $N_2$ ) giải phóng theo không khí và tiếp tục khử các hợp chất hữu cơ, làm giảm hàm lượng BOD trong nước thải. Trong ngăn này, lượng oxy hòa tan thấp DO

~0,5mg/l và pH > 7,5 để quá trình khử nitrat diễn ra đạt hiệu quả cao. Sau đó nước thải tiếp tục được chuyển sang ngăn hiếu khí để thực hiện quá trình oxy hóa triệt để các hợp chất hữu cơ còn lại.

**Ngăn hiếu khí:** Tại bể hiếu khí, Oxi được cung cấp vào bể thông qua bộ khếch tán khí, hệ vi sinh vật hiếu khí sẽ sử dụng oxy để phân hủy phần lớn các hợp chất hữu cơ có trong nước thải. Hệ vi sinh vật hiếu khí (bùn hoạt tính lơ lửng) xáo trộn trong nước thải làm tăng khả năng tiếp xúc giữa vi sinh vật với chất hữu cơ tăng hiệu quả xử lý trong thời gian lưu ngắn. Kết quả của sự phân hủy các chất hữu cơ bởi hệ vi sinh vật hiếu khí là tạo ra các chất vô cơ đơn giản như CO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>O, NO<sub>3</sub><sup>-</sup> ..., và sinh khối mới.

**Ngăn lọc sinh học:** Ngăn sinh học vẫn sử dụng các vi sinh vật hiếu khí lơ lửng để thực hiện chuyển hóa phần còn lại các chất ô nhiễm trong nước thải; cấu trúc các thiết bị trong ngăn này được tổ hợp một cách tối ưu để quá trình chuyển hóa của vi sinh vật đạt hiệu quả cao nhất.

**Bể bùn dư:** Bùn dư từ ngăn lọc sinh học chuyển về bể chứa bùn, sau đó định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

**Ngăn khử trùng:** Nước thải sau ngăn lọc sinh học được chảy tràn qua ngăn khử trùng. Tại đây có bố trí Hộp định lượng Clo dạng viên nhằm mục đích tiêu diệt hoàn toàn các vi sinh vật gây hại trước khi thải bỏ ra môi trường.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1 được dẫn đầu nối vào Hệ thống thu gom XLNT của Khu công nghiệp Gia Lách.

\* *Công suất thiết kế của Trạm xử lý nước thải tập trung:* Đạt tối đa 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

\* *Hóa chất, vật liệu sử dụng:* Hoá chất Clo viên, định mức sử dụng 5kg/tháng; Hóa chất xử lý keo tụ PAC 12kg/tháng.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát Trạm XLNT tập trung của nhà máy, cán bộ quản lý vận hành Trạm XLNT tập trung phải được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành;

- Bố trí kinh phí hàng năm để phòng ngừa, ứng phó, khắc phục các sự cố gây ô nhiễm nguồn nước có thể xảy ra.

- Vận hành và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các máy móc thiết bị trong Trạm XLNT tập trung của nhà máy theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; chuẩn bị phương án dự phòng trường hợp hư hỏng máy móc, thiết bị.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật để theo dõi sự ổn định của Trạm XLNT tập trung của nhà máy, sớm phát hiện sự cố để kịp thời khắc phục sửa chữa.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống XLNT tập trung của nhà máy, tiến hành đóng van xả thải sau xử lý. Nhanh chóng khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại. Xử lý quay vòng nước thải đến khi xử lý đạt yêu cầu theo thỏa thuận đầu nối với đơn vị quản lý vận hành Trạm xử lý nước thải của KCN Gia Lách (Biên bản thỏa thuận đầu nối số 36/TT-KTKD ngày 25/04/2023 giữa Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng dịch vụ KKT tỉnh và Công ty Cổ phần nhựa bao bì Vinh)

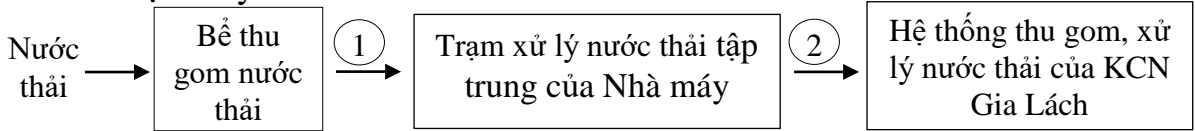


## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Khoảng thời gian từ ngày 15/02/2025 đến ngày 15/07/2025.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải tập trung của Nhà máy

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:



- Vị trí số 01: Tại bể thu gom nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy. Tọa độ vị trí lấy mẫu X=2060572; Y = 0524118 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Vị trí số 02: Tại bể chứa nước thải đầu ra sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy. Tọa độ vị trí lấy mẫu X= 2060567; Y= 0524112. (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2.2.5 tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Lấy 04 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải (ngày đầu tiên lấy 01 mẫu đầu vào và 1 mẫu đầu ra, từ ngày thứ 2 trở đi lấy 1 mẫu đầu ra/ngày).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật bảo vệ môi trường 2020 và quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN Gia Lách;

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục;

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương và đơn vị quản lý Khu công nghiệp Gia Lách; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục 02**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO  
VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NGUỒN PHÁT SINH BỤI, KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:**

- + Nguồn số 01: Bụi, khí thải tại khu vực sản xuất, tái chế và gia nhiệt hạt nhựa;
- + Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông vận tải ra vào nhà máy;
- + Nguồn số 03: Khí thải từ máy phát điện dự phòng;
- + Nguồn số 04: Khí thải, mùi hôi từ công đoạn in màu bao bì;
- + Nguồn số 05: Khí thải, mùi hôi phát sinh từ mương thoát nước mưa, nước thải, từ Trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy;
- + Nguồn số 06: Khí thải, mùi hôi từ các thiết bị thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt, từ nhà vệ sinh,...

**2. Dòng và vị trí xả bụi, khí thải:**

2.1. Đối với bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy; bụi, khí thải tại các khu vực sản xuất; khí thải, mùi hôi từ công đoạn in màu bao bì, mương thoát nước mưa, nước thải, từ Trạm xử lý nước thải tập trung, từ các thiết bị thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt, từ nhà vệ sinh,... là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không xác định lưu lượng, phương thức xả thải.

2.2. Đối với bụi, khí thải từ khu vực sản xuất, tái chế và gia nhiệt hạt nhựa:

2.2.1. Vị trí xả bụi, khí thải: Tại ống thoát khí của khu vực tái chế, có tọa độ X(m) = 2060668; Y(m) = 524254 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2.2. Lưu lượng xả thải lớn nhất:  $6.000\text{m}^3/\text{giờ}$  (theo công suất của quạt hút)

2.2.3. Phương thức xả thải: cưỡng bức (sử dụng quạt hút).

2.2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT, cột C - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	
			QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, Kp = 0,9, Kv = 1,0)	QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C)
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	216	≤ 100
2	Carbon monoxit (CO)	mg/Nm <sup>3</sup>	1.080	≤ 450
3	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	540	≤ 350
4	Hydro sunfua (H <sub>2</sub> S)	mg/Nm <sup>3</sup>	8,1	≤ 8
5	Nitơ oxit (NO <sub>x</sub> tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	918	≤ 500
6	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi	mg/Nm <sup>3</sup>	-	≤ 100

**Ghi chú:** Thời điểm áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp kể từ ngày 01/01/2032 (theo quy định tại khoản 1 Điều 3 và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp. Khuyến khích Công ty Cổ phần nhựa bao bì Vinh áp dụng các quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT kể từ ngày Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/7/2025) (theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT).

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:**

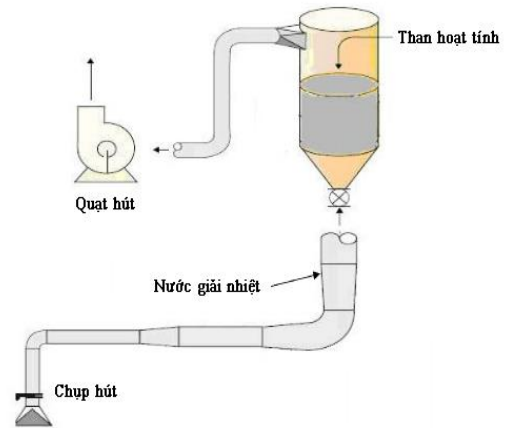
### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:**

1.1. Đối với khí thải từ khu vực tái chế và gia nhiệt hạt nhựa:

- Thu gom khí thải trong quá trình tái chế các sản phẩm hư hỏng: lắp đặt hệ thống thu gom hơi nhựa từ công đoạn gia nhiệt bằng chụp hút tại vị trí phát sinh; khí thải được thu từ chụp hút theo ống dẫn khí đi qua hệ thống giải nhiệt bằng

nước nhằm hạ nhiệt độ không khí sau đó được hút vào hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính trước khi ra môi trường.

- Công suất của hệ thống xử lý khí thải khoảng 6.000m<sup>3</sup>/h (tính theo công suất quạt hút), hệ thống thu gom khí được làm bằng tôn với chiều cao ống khí sau xử lý cao khoảng 1,5m. Than hoạt tính dùng trong thiết bị hấp phụ được định kỳ thay thế (khoảng 6 tháng/lần), khối lượng khoảng 05kg; than hoạt tính sau khi thay thế sẽ được xử lý cùng với chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh từ nhà máy. Khí thải đầu ra phải đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột C - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.



*1.2. Đối với bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực Nhà máy:*

- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ trong khuôn viên nhà máy, tưới nước phun ẩm trên các tuyến đường giao thông nội bộ vào những ngày thời tiết nắng nóng; các xe lưu thông trong khu vực Nhà máy cần giảm tốc độ để hạn chế bụi và khí thải phát sinh.

- Trồng và chăm sóc cây xanh trên các tuyến đường và các khu vực trong khuôn viên nhà máy theo quy hoạch được duyệt để tạo cảnh quan xanh nhằm giảm thiểu đến mức tối thiểu tác động của bụi và khí thải từ phương tiện giao thông ra vào khu vực Nhà máy.

*1.3. Đối với bụi, khí thải trong các khu vực sản xuất và hơi dung môi công đoạn in, nhà xưởng, nhà bếp*

- Áp dụng công nghệ sản xuất khép kín nhằm ngăn ngừa sự phát tán mùi nhựa từ quá trình gia nhiệt, định hình hạt nhựa ra môi trường

- Lắp đặt hệ thống thông gió nhà xưởng, làm mát cho phân xưởng sản xuất. Thông thoáng nhà xưởng bằng cửa thông gió và hệ thống quạt hút công nghiệp, cách nhau khoảng 5m có 1 quạt thông gió và quạt lắp cách mặt đất từ 2,5-3m;

- Tất cả công nhân làm việc tại nhà máy đều được trang bị bảo hộ lao động;

- Nếu có đơn hàng yêu cầu mới in trên sản phẩm; quá trình in đặt trong nhà xưởng thông thoáng có hệ thống quạt hút đầy công nghiệp để điều hoà không khí khu vực sản xuất;

- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khu vực nhà ăn, khu vực nhà vệ sinh; Trang bị các máy hút, lọc khói, khử mùi và quạt hút đưa khí thải ra ngoài, tạo thông thoáng trong khu vực nhà bếp; sử dụng các nhiên liệu đốt sạch như khí hóa lỏng, thiết bị dùng điện... (không sử dụng các loại nhiên liệu phát sinh nhiều khí thải như dầu, than).

*1.4. Các biện pháp giảm thiểu khác:*

Định kỳ kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, nắp đậy hồ gas; phun chế phẩm sinh học tại các vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt, tại Trạm xử lý nước thải tập trung,... để giảm mùi hôi.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Thường xuyên vận hành các công trình và thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh tại Cơ sở theo yêu cầu tại mục 1 phần B Phụ lục này;

2.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

2.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường khu vực xung quanh nhà máy.

2.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương và đơn vị quản lý Khu công nghiệp Gia Lách; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm không khí đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm không khí do hoạt động làm phát tán bụi, khí thải của nhà máy gây ra./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**Phụ lục 03**

**ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn phát sinh tiếng ồn tại Nhà máy chủ yếu từ hoạt động của hệ thống máy móc trong khu nhà xưởng sản xuất, xưởng cơ khí, phương tiện giao thông, máy móc và thiết bị bốc xếp tập kết nguyên vật liệu sản xuất, sản phẩm.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Khu vực sản xuất: công đoạn tái chế, tạo sợi, dệt, may, in màu, đóng dấu:

+ Tọa độ vị trí Nhà xưởng số 1: X(m) = 2060534; Y(m) = 524173

+ Tọa độ vị trí Nhà xưởng số 2: X(m) = 2060554; Y(m) = 524264

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°).

- Khu vực kho nguyên liệu và kho thành phẩm.

+ Tọa độ vị trí kho nguyên liệu: X(m) = 2060582; Y(m) = 524287

+ Tọa độ vị trí kho thành phẩm: X(m) = 2060561; Y(m) = 524276

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°).

- Khu vực sửa chữa cơ khí: Máy cắt, máy cưa, máy đục, hoạt động cơ khí. Tọa độ vị trí: X(m) = 2060663; Y(m) = 524195 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°).

- Đối với các phương tiện giao thông ra vào Nhà máy và máy móc thiết bị khác trong quá trình sản xuất,.. là nguồn phân tán, không xác định vị trí.

**3. Tiêu chuẩn tiếng ồn, độ rung:**

Tiếng ồn, độ rung tại các khu vực trong nhà máy phải đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giá trị giới hạn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày	Tần suất	Ghi chú
----	------------------------------	----------	---------

	và mức gia tốc rung cho phép (dB)		quan trắc định kỳ	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn và bảo trì các thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn. Các máy móc cũ phát sinh tiếng ồn cao sẽ được thay thế bằng máy móc thiết bị hiện đại hơn, cải tiến quy trình công nghệ, giảm thiểu tiếng ồn thấp nhất.

- Trồng hoa, cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng để giảm phát tán tiếng ồn ra xung quanh.

- Bố trí phân ca hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm tiếng ồn nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh tình trạng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng.

- Sử dụng máy phát điện có vỏ chống ồn và bộ giảm thanh, bố trí nhà đặt máy phát điện riêng biệt, cách xa khu văn phòng, khu nhà nghỉ ca và lắp đặt các tấm đệm cao su ở các chân máy phát điện nhằm giảm phát sinh tiếng ồn, độ rung khi máy hoạt động.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được áp dụng các biện pháp giảm thiểu bảo đảm tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**Phụ lục 04**

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ  
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh.

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng ước tính (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	NH	16 01 06	60
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	KS	18 02 01	240
3	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	KS	08 02 01	550
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	KS	08 02 04	200
5	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	KS	19 12 03	140
6	Chất thải lẫn dầu	KS	19 07 01	300
7	Các loại dầu thải khác	NH	17 07 03	1500
<b>Tổng cộng</b>				<b>2.990</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

- Chất thải rắn công nghiệp bao gồm (phế phẩm sợi, vụn chỉ may, chỉ thừa, bao bì hư hỏng, sản phẩm lỗi): khoảng 2,5kg/ngày.
- Bùn từ bể tự hoại: khoảng 85m<sup>3</sup>/lần (định kỳ 2 năm nạo vét/lần).
- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy và nạo vét các hố ga, mương thoát nước: khoảng 16m<sup>3</sup>/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (gồm: Giấy báo, thùng carton, túi nilon, thực phẩm dư thừa...): Khoảng 150kg/ngày.



**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại.**

**2.1. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS).**

*2.1.1. Thiết bị lưu chứa:*

Bố trí 07 thùng đựng (02 thùng phuy 100 lít chứa chất thải thể lỏng, 05 thùng composit 120 lít chứa chất thải thể rắn) có nắp đậy và được dán nhãn, phân loại chất thải, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại.

*2.1.2. Khu vực lưu chứa:*

Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS: Diện tích 14m<sup>2</sup> kết cấu tường bằng gạch, vách được gia cố bằng thép, cửa bằng tôn có khóa, kết hợp tôn mạ kẽm, cột bằng thép giằng, nền bằng bê tông M250# đảm bảo không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đồng thời bố trí các dụng cụ, thiết bị PCCC tại kho lưu giữ CTNH theo quy định.

*2.1.3. Biện pháp thu gom, xử lý:*

Chủ cơ sở thu gom, phân định, phân loại, lưu chứa chất thải tại Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

*2.2.1. Thiết bị lưu chứa:*

Bố trí các bao jumbo có sức chứa 500kg để thu gom các loại chất thải tại các điểm phát sinh đưa về Kho lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường, khu vực tái chế.

*2.2.2. Khu vực lưu chứa:*

Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường được bố trí cạnh gara xe của nhà máy, có diện tích 13m<sup>2</sup>, vách được gia cố bằng thép, cột bằng thép giằng, nền bằng bê tông, mái che bằng tôn, nền bằng bê tông M250 #, đảm bảo không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đồng thời bố trí các dụng cụ, thiết bị PCCC tại kho lưu chứa theo quy định.

*2.2.3. Biện pháp thu gom, xử lý:*

- Đối với bao bì hư hỏng, lỗi tại công đoạn cắt sản phẩm và các phế phẩm sợi, bavia được tái chế làm hạt nhựa cung cấp nguyên liệu cho sản xuất.

- Đối với bao bì đựng nguyên liệu, vụn chỉ may, chỉ thừa, bìa cát tông, palet hư hỏng, định kỳ bán phế liệu.

- Các bao bì sản phẩm lỗi do quá trình in ấn được tái sử dụng làm bao đựng chất thải rắn trong các nhà xưởng sản xuất.

- Bùn ở hệ thống xử lý nước thải tập trung và bùn từ bể tự hoại: hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, nạo vét, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định;

- Bùn cặn nạo vét tại các hồ gas của mương thoát nước mưa được tái sử dụng vào khu vực trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

#### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

Bố trí các thùng chứa để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt ở những điểm thuận tiện để thu gom, phân loại và lưu chứa tại các thùng đựng riêng biệt, cụ thể: 10 thùng (thể tích 12 lít/thùng) trong văn phòng; 08 thùng (thể tích 40 lít/thùng) trong xưởng sản xuất; 03 thùng (thể tích 12 lít/thùng) trong các nhà vệ sinh; 03 thùng (thể tích 40 lít/thùng) trong nhà ăn; 03 thùng (thể tích 50 lít/thùng) trong nhà bếp; 14 thùng (thể tích 30 lít/thùng) dọc đường nội bộ, khu vực công cộng khuôn viên; 03 thùng (thể tích 120 lít/thùng) tại điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt và 1 xe gom rác 450 lít/xe tập trung tại kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 12m<sup>2</sup>. Mỗi điểm đều được bố trí 03 thùng cạnh nhau để thực hiện phân loại tại nguồn, bao gồm: Chất thải rắn tái chế, tái sử dụng; chất thải rắn thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác.

#### **2.3.2. Khu vực lưu chứa:**

Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 12m<sup>2</sup>, vách được gia cố bằng thép, cột bằng thép giằng, nền bằng bê tông, mái che bằng tôn, vị trí bên cạnh và được ngăn cách với kho chất thải công nghiệp.

#### **2.3.3. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:**

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng (như giấy, thùng carton hoặc các loại có nguồn gốc kim loại như các lon đựng nước giải khát,...) sau khi được phân loại, thu gom và định kỳ bán phế liệu.

- Đối với chất thải thực phẩm hỏng và chất thải rắn sinh hoạt khác được lưu giữ riêng từng loại; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của địa phương và quy định của pháp luật.

## **B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo hồ sơ được Phòng Cảnh sát PCCC&CHCN - Công an tỉnh Hà Tĩnh chứng nhận thẩm duyệt số 244/TD-PCCC ngày 17/10/2016 và theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Thiết kế và lắp đặt hệ thống báo cháy theo TCVN 5738-2000.

- Định kỳ tổ chức thực tập về PCCC cho cán bộ, công nhân nắm vững phương pháp xử lý sự cố và nghiệp vụ phòng chống cháy nổ.

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ Công ty kịp thời huy động lực lượng tại chỗ của Nhà máy và kết hợp với lực lượng của địa phương để ứng cứu.

### **2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố mưa bão, ngập lụt**

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão nhằm có phương án đối phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra, sửa chữa, tu bổ, chằng chống lại nhà cửa, công trình, cây xanh, cột đèn; chặt cành cây gần khu vực đường

dây tải điện, trạm biến áp để đề phòng cây đổ; khi gió to có thể cắt điện để phòng chập cháy.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão của Công ty, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

### **3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:**

- Tuân thủ nghiêm ngặt những quy định trong việc sử dụng từng thiết bị máy móc trong xưởng sản xuất.

- Khi có sự cố hoặc nghi ngờ về thiết bị có sự cố xảy ra thì công nhân phải báo ngay cho người quản lý để kịp thời có phương án xử lý.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, huấn luyện, kiểm tra và nhắc nhở người lao động chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy định, về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong đơn vị.

- Thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm nêu trên để cải thiện môi trường lao động. Trang bị đầy đủ và nhắc nhở công nhân sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động trong quá trình hoạt động sản xuất, như: khẩu trang, nút bịt tai chống ồn, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ,...

### **4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:**

Thực hiện đầy đủ các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**